FireAnt

CTCP Lọc - Hóa dầu Bình Sơn (HSX: BSR)

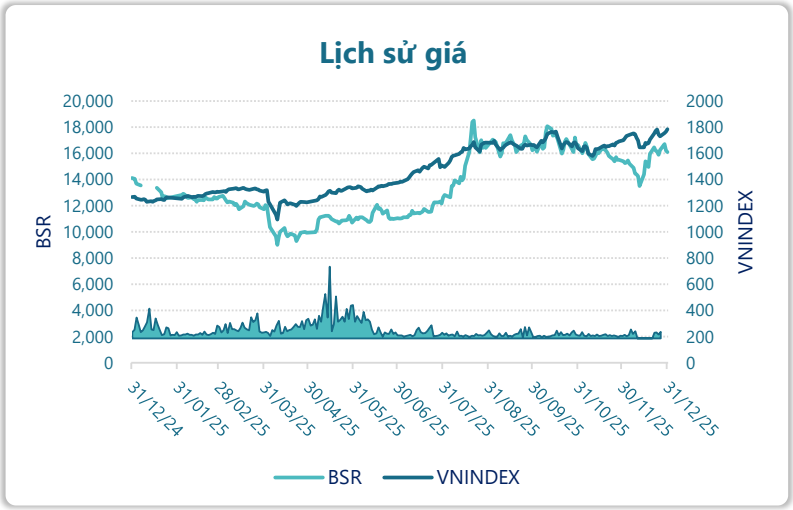

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,100**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	5,007,299,686
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,073,450
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	80,618
P/E	15.5
EPS	1,036

DT thuần

Q4/25

37,621

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2,331| 6.6%

YoY: ▲ 1,653| 4.6%

LN sau thuế

Q4/25

3,035

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2,126| 234%

YoY: ▲ 3,124| 3506%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.4%

+/- YoY: ▲ 3.6%

DT thuần

2025

141,578

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 18,551| 15.1%

LN sau thuế

2025

5,189

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4,598| 778%

ROE

2025

8.9%

+/- YoY: ▲ 7.8%

Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh

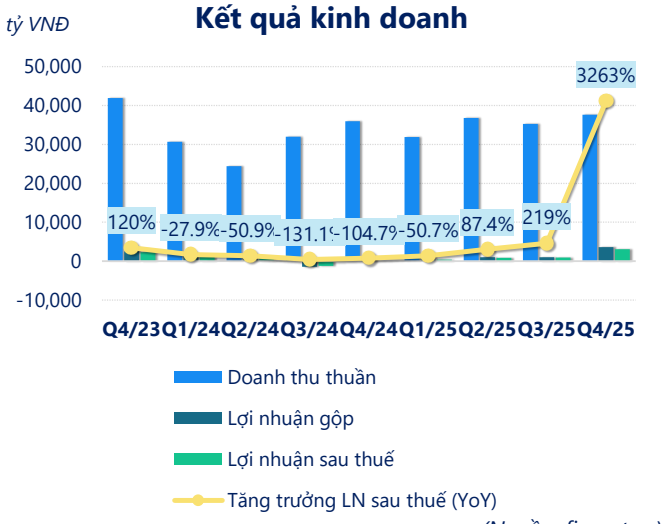

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

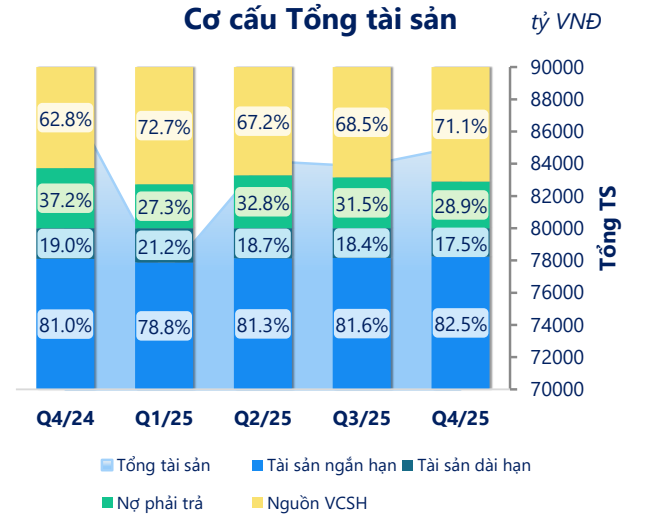

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

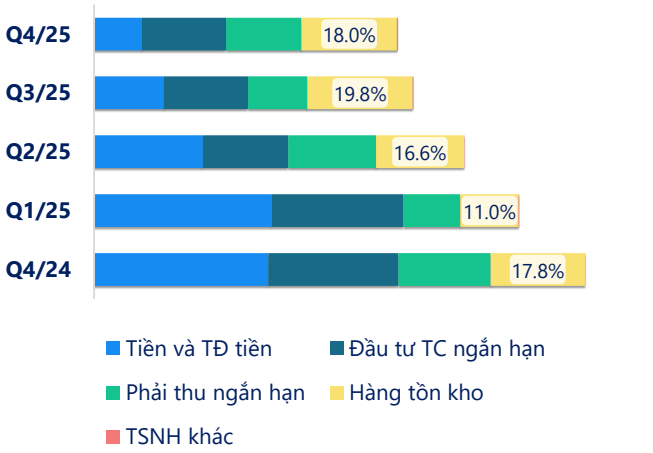

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

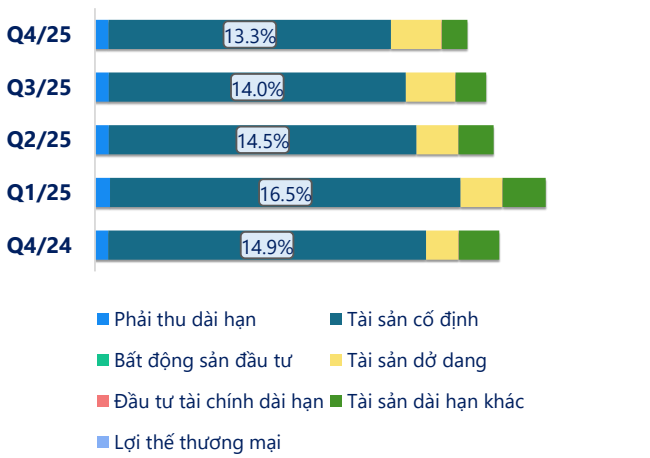

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

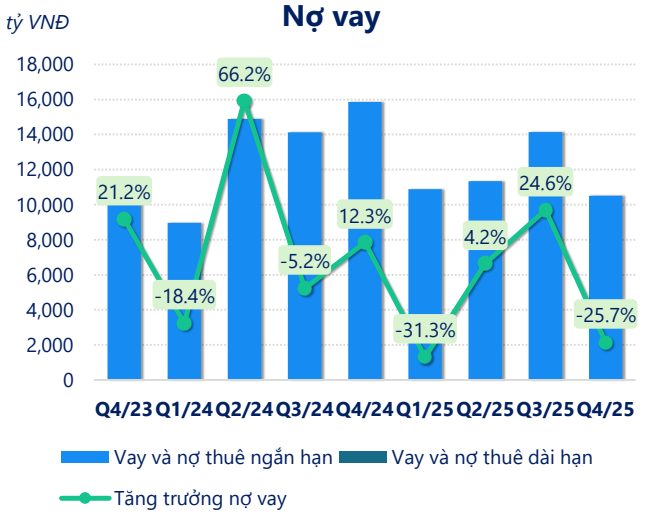

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

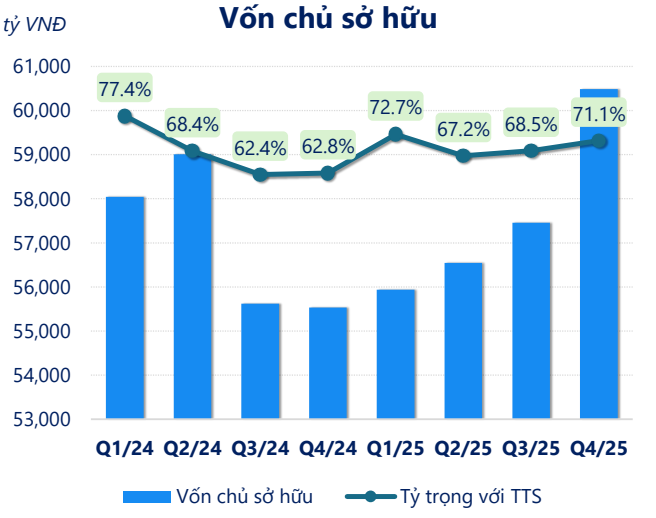

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

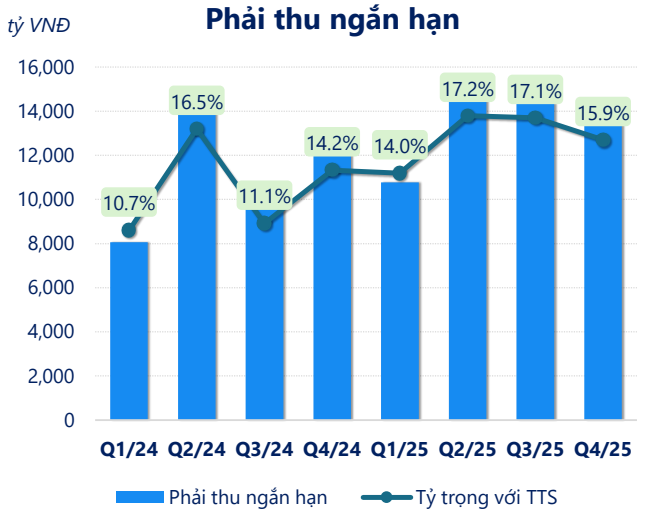

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

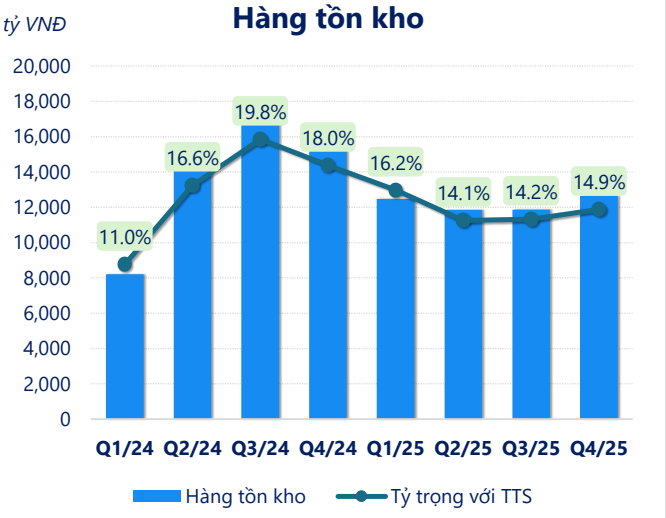

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

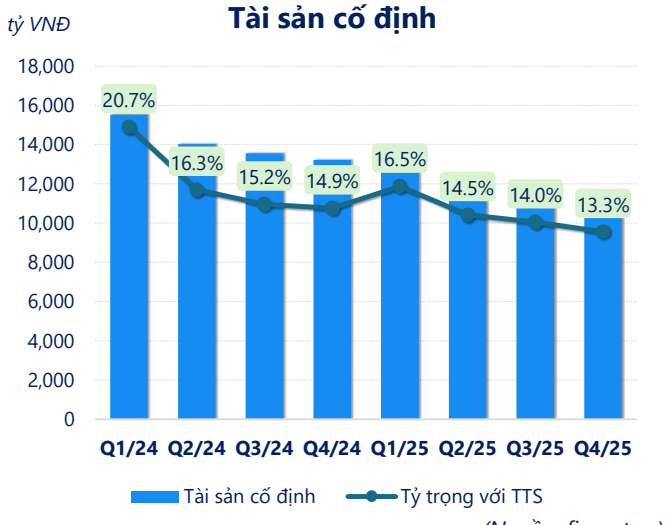

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

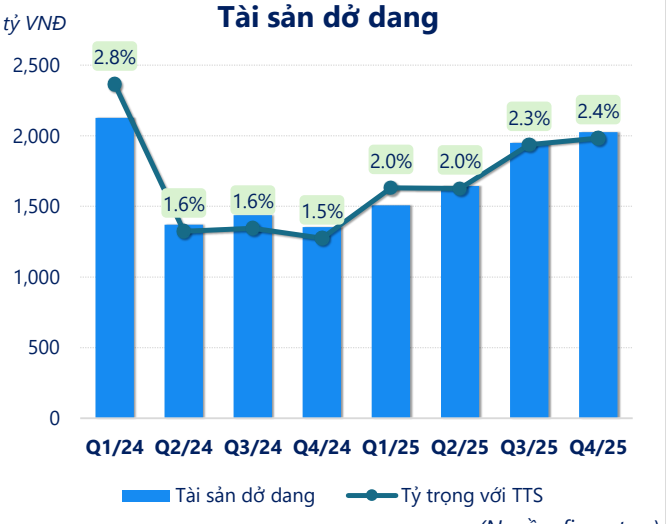

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

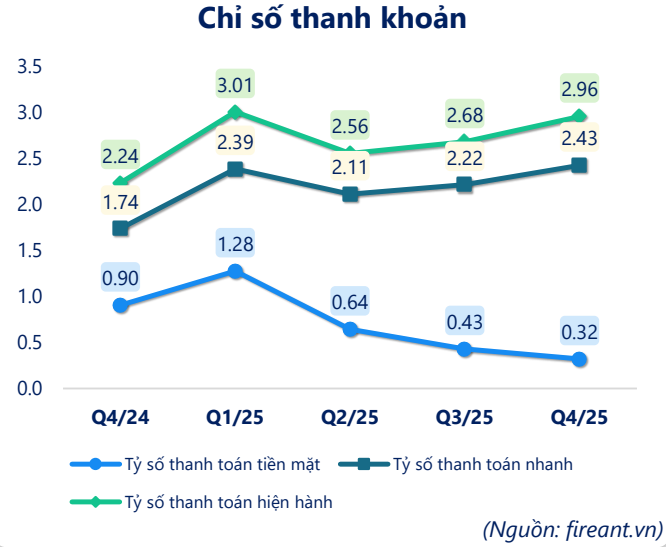

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

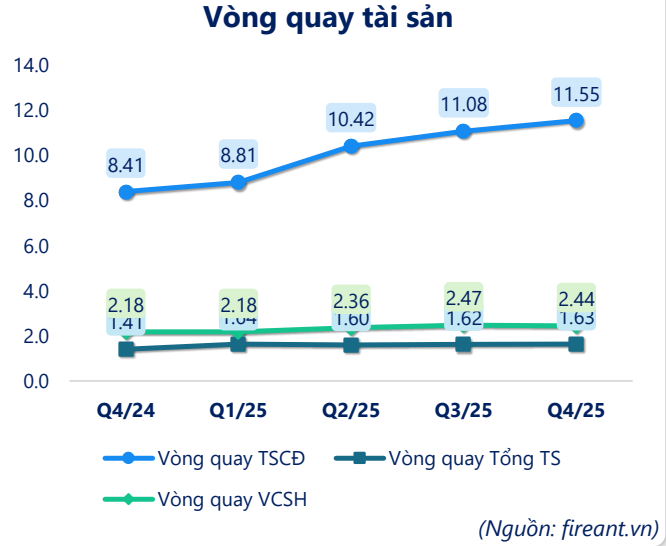

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**88,446**	**76,972**	**84,166**	**83,844**	**85,069**
Tài sản ngắn hạn	**71,632**	**60,657**	**68,391**	**68,426**	**70,173**
Tiền và tương đương tiền	28,995	25,745	17,233	11,010	7,626
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14,022	11,522	24,722	31,112	36,136
Phải thu ngắn hạn	12,523	10,769	14,515	14,359	13,504
Hàng tồn kho	15,891	12,479	11,847	11,871	12,635
Tài sản ngắn hạn khác	201	142	73.8	74.3	273
Tài sản dài hạn	**16,814**	**16,315**	**15,775**	**15,418**	**14,896**
Phải thu dài hạn	549	548	548	548	548
Tài sản cố định	13,216	12,686	12,182	11,702	11,292
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1,352	1,507	1,644	1,949	2,026
Đầu tư tài chính dài hạn	9.54	9.54	9.54	9.54	9.54
Tài sản dài hạn khác	1,688	1,564	1,391	1,209	1,020
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**32,914**	**21,034**	**27,619**	**26,390**	**24,583**
Nợ ngắn hạn	**32,049**	**20,171**	**26,757**	**25,530**	**23,727**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15,857	10,886	11,346	14,137	10,504
Phải trả người bán ngắn hạn	14,463	8,098	12,157	8,524	11,291
Nợ dài hạn	865	864	862	860	856
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**55,532**	**55,937**	**56,547**	**57,454**	**60,485**
Vốn chủ sở hữu	**55,532**	**55,937**	**56,547**	**57,454**	**60,485**
Vốn điều lệ	31,005	31,005	31,005	31,005	50,073
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)